

Số: 3045 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại ấp, khu vực thuộc thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sắp xếp, sáp nhập, đặt tên, đổi tên một số ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khu vực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại ấp, khu vực thuộc thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Ấp, khu vực loại 1: 521 (262 ấp, 259 khu vực);
2. Ấp, khu vực loại 2: 78 (37 ấp, 41 khu vực).

(Kèm theo Danh sách phân loại ấp, khu vực năm 2020)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân loại ấp, khu vực thuộc thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. TU; TT. HĐND TP;
- UBND TP và các đoàn thể;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND cấp huyện; UBND cấp xã;
- Công báo TP;
- Báo Cần Thơ;
- Công TTĐT TP;
- VP UBND TP (2,3);
- Lưu: VT, LhT.

CHỦ TỊCH



Trần Việt Trường

DANH SÁCH PHÂN LOẠI ẤP, KHU VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
I	QUẬN BÌNH THỦY	46		
	1. Phường An Thới	5		
1	Khu vực 1		197	1
2	Khu vực 2		201	1
3	Khu vực 3		178	1
4	Khu vực 4		241	1
5	Khu vực 5		194	1
	2. Phường Bình Thủy	7		
1	Khu vực 1		162	1
2	Khu vực 2		152	1
3	Khu vực 3		158	1
4	Khu vực 4		177	1
5	Khu vực 5		251	1
6	Khu vực 6		237	1
7	Khu vực 7		198	1
	3. Phường Bùi Hữu Nghĩa	5		
1	Khu vực 1		205	1
2	Khu vực 2		229	1
3	Khu vực 3		221	1
4	Khu vực 4		202	1
5	Khu vực 5		157	1
	4. Phường Long Hòa	7		
1	Khu vực Bình An		229	1
2	Khu vực Bình Chánh		230	1
3	Khu vực Bình Dương		232	1
4	Khu vực Bình Nhựt		242	1
5	Khu vực Bình Trung		226	1
6	Khu vực Bình Yên A		255	1
7	Khu vực Bình Yên B		231	1
	5. Phường Long Tuyền	6		
1	Khu vực Bình Dương A		241	1
2	Khu vực Bình Dương B		239	1
3	Khu vực Bình Phó A		255	1
4	Khu vực Bình Phó B		253	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
5	Khu vực Bình Thường A		255	1
6	Khu vực Bình Thường B		255	1
	6. Phường Thới An Đông	8		
1	Khu vực Thới An		194	1
2	Khu vực Thới Bình		203	1
3	Khu vực Thới Hòa		179	1
4	Khu vực Thới Hưng		213	1
5	Khu vực Thới Long		210	1
6	Khu vực Thới Ninh		189	1
7	Khu vực Thới Thạnh		217	1
8	Khu vực Thới Thuận		216	1
	7. Phường Trà An	4		
1	Khu vực 1		162	1
2	Khu vực 2		223	1
3	Khu vực 3		249	1
4	Khu vực 4		162	1
	8. Phường Trà Nóc	4		
1	Khu vực 1		251	1
2	Khu vực 2		208	1
3	Khu vực 4		187	1
4	Khu vực 6		185	1
II	QUẬN CÁI RĂNG	59		
	1. Phường Ba Láng	5		
1	Khu vực 1		167	1
2	Khu vực 2		189	1
3	Khu vực 3		152	1
4	Khu vực 4		172	1
5	Khu vực 5		161	1
	2. Phường Hưng Phú	10		
1	Khu vực 1		227	1
2	Khu vực 2		132	2
3	Khu vực 4		157	1
4	Khu vực 5		130	2
5	Khu vực 6		136	2
6	Khu vực 7		138	2
7	Khu vực 8		136	2
8	Khu vực 9		135	2
9	Khu vực 10		173	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
10	Khu vực 11		212	1
	3. Phường Hưng Thạnh	6		
1	Khu vực 1		156	1
2	Khu vực 2		244	1
3	Khu vực 3		218	1
4	Khu vực 4		221	1
5	Khu vực 5		214	1
6	Khu vực 6		225	1
	4. Phường Lê Bình	8		
1	Khu vực Thạnh Mỹ		194	1
2	Khu vực Thị Trấn		131	2
3	Khu vực Yên Bình		140	2
4	Khu vực Yên Hạ		166	1
5	Khu vực Yên Hòa		135	2
6	Khu vực Yên Thuận		162	1
7	Khu vực Yên Trung		160	1
8	Khu vực Yên Thượng		163	1
	5. Phường Phú Thứ	12		
1	Khu vực An Hưng		182	1
2	Khu vực An Phú		186	1
3	Khu vực Khánh Bình		214	1
4	Khu vực Khánh Hưng		188	1
5	Khu vực Phú Hưng		222	1
6	Khu vực Phú Khánh		223	1
7	Khu vực Thạnh Hòa		212	1
8	Khu vực Thạnh Lợi		211	1
9	Khu vực Thạnh Phú		196	1
10	Khu vực Thạnh Thắng		245	1
11	Khu vực Thạnh Thới		207	1
12	Khu vực Thạnh Thuận		209	1
	6. Phường Tân Phú	7		
1	Khu vực Phú Lợi		213	1
2	Khu vực Phú Tân		188	1
3	Khu vực Phú Thành		186	1
4	Khu vực Phú Thạnh		220	1
5	Khu vực Phú Thắng		151	1
6	Khu vực Phú Thuận		192	1
7	Khu vực Phú Thuận A		210	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
	7. Phường Thường Thạnh	11		
1	Khu vực Phú Mỹ		195	1
2	Khu vực Phú Quới		131	2
3	Khu vực Thạnh Hòa		197	1
4	Khu vực Thạnh Huề		180	1
5	Khu vực Thạnh Hưng		158	1
6	Khu vực Thạnh Lợi		167	1
7	Khu vực Thạnh Mỹ		213	1
8	Khu vực Thạnh Phú		153	1
9	Khu vực Thạnh Thắng		168	1
10	Khu vực Yên Hạ		177	1
11	Khu vực Yên Thạnh		144	2
III	QUẬN NINH KIỀU	71		
	1. Phường An Bình	8		
1	Khu vực 1		163	1
2	Khu vực 2		207	1
3	Khu vực 3		143	2
4	Khu vực 4		216	1
5	Khu vực 5		179	1
6	Khu vực 6		181	1
7	Khu vực 7		201	1
8	Khu vực 8		217	1
	2. Phường An Cư	6		
1	Khu vực 1		143	2
2	Khu vực 2		156	1
3	Khu vực 3		147	2
4	Khu vực 4		153	1
5	Khu vực 5		148	2
6	Khu vực 6		154	1
	3. Phường An Hòa	5		
1	Khu vực 1		183	1
2	Khu vực 2		184	1
3	Khu vực 3		170	1
4	Khu vực 4		198	1
5	Khu vực 5		210	1
	4. Phường An Khánh	6		
1	Khu vực 1		211	1
2	Khu vực 2		206	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
3	Khu vực 3		206	1
4	Khu vực 4		209	1
5	Khu vực 5		192	1
6	Khu vực 6		202	1
	5. Phường An Nghiệp	3		
1	Khu vực 1		156	1
2	Khu vực 2		152	1
3	Khu vực 3		149	2
	6. Phường An Phú	4		
1	Khu vực 1		147	2
2	Khu vực 2		145	2
3	Khu vực 3		142	2
4	Khu vực 4		143	2
	7. Phường Cái Khế	8		
1	Khu vực 1		249	1
2	Khu vực 2		151	1
3	Khu vực 3		165	1
4	Khu vực 4		141	2
5	Khu vực 5		149	2
6	Khu vực 6		148	2
7	Khu vực 7		135	2
8	Khu vực 3 SH		250	1
	8. Phường Hưng Lợi	6		
1	Khu vực 1		203	1
2	Khu vực 2		212	1
3	Khu vực 3		180	1
4	Khu vực 4		154	1
5	Khu vực 5		171	1
6	Khu vực 6		183	1
	9. Phường Tân An	13		
1	Khu vực 1		143	2
2	Khu vực 2		153	1
3	Khu vực 3		161	1
4	Khu vực 4		155	1
5	Khu vực 5		140	2
6	Khu vực 6		138	2
7	Khu vực 7		150	2
8	Khu vực 8		156	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
9	Khu vực 9		162	1
10	Khu vực 10		139	2
11	Khu vực 11		137	2
12	Khu vực 12		150	2
13	Khu vực 13		149	2
	10. Phường Thới Bình	4		
1	Khu vực 1		146	2
2	Khu vực 2		148	2
3	Khu vực 3		176	1
4	Khu vực 4		158	1
	11. Phường Xuân Khánh	8		
1	Khu vực 1		147	2
2	Khu vực 2		132	2
3	Khu vực 3		143	2
4	Khu vực 4		143	2
5	Khu vực 5		151	1
6	Khu vực 6		160	1
7	Khu vực 7		195	1
8	Khu vực 8		139	2
IV	QUẬN Ô MÔN	79		
	1. Phường Châu Văn Liêm	11		
1	Khu vực 2		160	1
2	Khu vực 3		171	1
3	Khu vực 4		171	1
4	Khu vực 5		205	1
5	Khu vực 9		201	1
6	Khu vực 10		157	1
7	Khu vực 11		169	1
8	Khu vực 12		241	1
9	Khu vực 13		181	1
10	Khu vực 14		157	1
11	Khu vực 15		193	1
	2. Phường Long Hưng	7		
1	Khu vực Long Định		243	1
2	Khu vực Long Hòa		223	1
3	Khu vực Long Thành		233	1
4	Khu vực Phú Luông		244	1
5	Khu vực Thới Hòa B		217	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
6	Khu vực Thới Hòa C		223	1
7	Khu vực Thới Hưng		219	1
	3. Phường Phước Thới	15		
1	Khu vực Bình An		208	1
2	Khu vực Bình Hòa A		209	1
3	Khu vực Bình Hòa B		176	1
4	Khu vực Bình Hưng		222	1
5	Khu vực Bình Khánh		194	1
6	Khu vực Bình Lập		190	1
7	Khu vực Bình Phước		200	1
8	Khu vực Thới Bình		207	1
9	Khu vực Thới Đông		175	1
10	Khu vực Thới Hòa		225	1
11	Khu vực Thới Lợi		236	1
12	Khu vực Thới Nguơn A		208	1
13	Khu vực Thới Nguơn B		238	1
14	Khu vực Thới Thuận		218	1
15	Khu vực Thới Trinh		223	1
	4. Phường Thới An	18		
1	Khu vực Thới Bình		240	1
2	Khu vực Thới Bình A		194	1
3	Khu vực Thới Hòa		240	1
4	Khu vực Thới Hòa A		209	1
5	Khu vực Thới Hòa B		217	1
6	Khu vực Thới Hòa C		174	1
7	Khu vực Thới Lợi		191	1
8	Khu vực Thới Lợi A		160	1
9	Khu vực Thới Phong		189	1
10	Khu vực Thới Phong A		181	1
11	Khu vực Thới Thạnh		176	1
12	Khu vực Thới Thạnh A		214	1
13	Khu vực Thới Thuận		180	1
14	Khu vực Thới Thuận A		208	1
15	Khu vực Thới Trinh		218	1
16	Khu vực Thới Trinh A		205	1
17	Khu vực Thới Trinh B		176	1
18	Khu vực Thới Trinh C		171	1
	5. Phường Thới Hòa	5		

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
1	Khu vực Hòa An		138	2
2	Khu vực Hòa An A		215	1
3	Khu vực Hòa Long		233	1
4	Khu vực Hòa Thạnh		136	2
5	Khu vực Hòa Thạnh A		212	1
	6. Phường Thới Long	11		
1	Khu vực Bắc Vàng		238	1
2	Khu vực Cái Sơn		228	1
3	Khu vực Rạch Chanh		236	1
4	Khu vực Rạch Sung		234	1
5	Khu vực Thới Hòa 1		234	1
6	Khu vực Thới Hòa 2		233	1
7	Khu vực Thới Mỹ		197	1
8	Khu vực Thới Thạnh		228	1
9	Khu vực Thới Thạnh Đông		233	1
10	Khu vực Thới Xương 1		232	1
11	Khu vực Thới Xương 2		211	1
	7. Phường Trường Lạc	12		
1	Khu vực Bình Hòa		187	1
2	Khu vực Bình Lợi		236	1
3	Khu vực Bình Thuận		194	1
4	Khu vực Bình Yên		216	1
5	Khu vực Tân Bình		201	1
6	Khu vực Tân Hưng		216	1
7	Khu vực Tân Quy		210	1
8	Khu vực Tân Thạnh		200	1
9	Khu vực Tân Xuân		219	1
10	Khu vực Trường Hòa		226	1
11	Khu vực Trường Hưng		178	1
12	Khu vực Trường Trung		221	1
V	QUẬN THỐT NỐT	45		
	1. Phường Tân Hưng	4		
1	Khu vực Tân Lợi 1		246	1
2	Khu vực Tân Lợi 2		245	1
3	Khu vực Tân Phước		246	1
4	Khu vực Tân Quới		251	1
	2. Phường Tân Lộc	10		
1	Khu vực Đông Bình		261	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
2	Khu vực Lân Thạnh 1		264	1
3	Khu vực Lân Thạnh 2		252	1
4	Khu vực Long Châu		272	1
5	Khu vực Phước Lộc		242	1
6	Khu vực Tân An		234	1
7	Khu vực Tân Mỹ 1		246	1
8	Khu vực Tân Mỹ 2		240	1
9	Khu vực Trường Thọ 1		247	1
10	Khu vực Trường Thọ 2		245	1
	3. Phường Thạnh Hòa	3		
1	Khu vực Phúc Lộc 2		251	1
2	Khu vực Phúc Lộc 3		257	1
3	Khu vực Thạnh Phước 1		255	1
	4. Phường Thốt Nốt	5		
1	Khu vực Long Thạnh A		202	1
2	Khu vực Long Thạnh 1		186	1
3	Khu vực Long Thạnh 2		270	1
4	Khu vực Phụng Thạnh 1		226	1
5	Khu vực Trảng Thọ 1		246	1
	5. Phường Thới Thuận	5		
1	Khu vực Thới Bình		257	1
2	Khu vực Thới Hòa 1		223	1
3	Khu vực Thới Hòa 2		205	1
4	Khu vực Thới Thạnh 1		258	1
5	Khu vực Thới Thạnh 2		259	1
	6. Phường Thuận An	6		
1	Khu vực Thới An 1		211	1
2	Khu vực Thới An 2		220	1
3	Khu vực Thới An 3		204	1
4	Khu vực Thới An 4		185	1
5	Khu vực Thới Bình 1		234	1
6	Khu vực Thới Bình 2		246	1
	7. Phường Thuận Hưng	4		
1	Khu vực Tân An		266	1
2	Khu vực Tân Phú		266	1
3	Khu vực Tân Phước 1		266	1
4	Khu vực Tân Thạnh		253	1
	8. Phường Trung Kiên	5		

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
1	Khu vực Lân Thạnh 1		259	1
2	Khu vực Lân Thạnh 2		273	1
3	Khu vực Phụng Thạnh 2		263	1
4	Khu vực Qui Thạnh 1		274	1
5	Khu vực Qui Thạnh 2		274	1
	9. Phường Trung Nhứt	3		
1	Khu vực Phúc Lộc 1		275	1
2	Khu vực Tràng Thợ A		242	1
3	Khu vực Tràng Thợ B		266	1
VI	HUYỆN CỜ ĐỎ	74		
	1. Thị trấn Cờ Đỏ	9		
1	Ấp Thanh Hòa		128	2
2	Ấp Thanh Hưng		154	1
3	Ấp Thới Bình		176	1
4	Ấp Thới Hiệp		151	1
5	Ấp Thới Hòa		159	1
6	Ấp Thới Hòa A		159	1
7	Ấp Thới Hòa B		205	1
8	Ấp Thới Thuận		143	2
9	Ấp Thới Trung		141	2
	2. Xã Đông Hiệp	4		
1	Ấp Đông Lợi		180	1
2	Ấp Đông Phước		208	1
3	Ấp Đông Thạnh		191	1
4	Ấp Thới Hữu		226	1
	3. Xã Đông Thắng	5		
1	Ấp Đông Mỹ		191	1
2	Ấp Đông Thắng		215	1
3	Ấp Thới Hiệp		164	1
4	Ấp Thới Hiệp 1		174	1
5	Ấp Thới Hiệp 2		177	1
	4. Xã Thạnh Phú	16		
1	Ấp 1		242	1
2	Ấp 2		192	1
3	Ấp 3		199	1
4	Ấp 4		193	1
5	Ấp 5		198	1
6	Ấp 6		193	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
7	Ấp 7		204	1
8	Ấp An Lợi		193	1
9	Ấp An Thạnh		211	1
10	Ấp Phước Lộc		218	1
11	Ấp Phước Thạnh		192	1
12	Ấp Phước Trung		189	1
13	Ấp Thạnh Hòa		199	1
14	Ấp Thạnh Hưng		199	1
15	Ấp Thạnh Phước		212	1
16	Ấp Thạnh Xuân		191	1
	5. Xã Thới Đông	6		
1	Ấp Thới Hòa		150	2
2	Ấp Thới Hưng		183	1
3	Ấp Thới Phong		195	1
4	Ấp Thới Trung		153	1
5	Ấp Thới Xuân		201	1
6	Ấp Thới Xuyên		200	1
	6. Xã Thới Hưng	8		
1	Ấp 1		219	1
2	Ấp 2		234	1
3	Ấp 3		223	1
4	Ấp 4		210	1
5	Ấp 5		208	1
6	Ấp 6		207	1
7	Ấp 7		205	1
8	Ấp 8		214	1
	7. Xã Thới Xuân	8		
1	Ấp Thới Bình 1		173	1
2	Ấp Thới Bình 2		147	2
3	Ấp Thới Hòa C		183	1
4	Ấp Thới Phước		180	1
5	Ấp Thới Thuận		152	1
6	Ấp Thới Trung A		142	2
7	Ấp Thới Trường 1		209	1
8	Ấp Thới Trường 2		164	1
	8. Xã Trung An	5		
1	Ấp Thạnh Lộc 1		207	1
2	Ấp Thạnh Lộc 2		203	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
3	Ấp Thạnh Lợi		210	1
4	Ấp Thạnh Lợi 1		249	1
5	Ấp Thạnh Lợi 2		181	1
	9. Xã Trung Hưng	7		
1	Ấp Thạnh Hưng 1		233	1
2	Ấp Thạnh Hưng 2		251	1
3	Ấp Thạnh Lợi 2		230	1
4	Ấp Thạnh Phú 1		227	1
5	Ấp Thạnh Phú 2		244	1
6	Ấp Thạnh Quới 1		265	1
7	Ấp Thạnh Trung		247	1
	10. Xã Trung Thạnh	6		
1	Ấp Thạnh Lộc		248	1
2	Ấp Thạnh Lộc 1		237	1
3	Ấp Thạnh Lợi		255	1
4	Ấp Thạnh Phú		178	1
5	Ấp Thạnh Phước		242	1
6	Ấp Thạnh Phước 2		254	1
VII	HUYỆN PHONG ĐIỀN	75		
	1. Thị trấn Phong Điền	5		
1	Ấp Nhơn Lộc 1		236	1
2	Ấp Nhơn Lộc 1A		179	1
3	Ấp Nhơn Lộc 2		192	1
4	Ấp Nhơn Lộc 2A		170	1
5	Ấp Thị Tứ		167	1
	2. Xã Giai Xuân	14		
1	Ấp An Thạnh		141	2
2	Ấp Ba Cao		135	2
3	Ấp Bình Thạnh		170	1
4	Ấp Bình Xuân		138	2
5	Ấp Tân Bình		175	1
6	Ấp Tân Hòa		144	2
7	Ấp Tân Hưng		142	2
8	Ấp Thới An		147	2
9	Ấp Thới An A		147	2
10	Ấp Thới An B		156	1
11	Ấp Thới Bình		166	1
12	Ấp Thới Giai		159	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
13	Ấp Thới Hưng		164	1
14	Ấp Thới Thạnh		164	1
	3. Xã Mỹ Khánh	8		
1	Ấp Mỹ Ai		158	1
2	Ấp Mỹ Hòa		140	2
3	Ấp Mỹ Long		155	1
4	Ấp Mỹ Lộc		162	1
5	Ấp Mỹ Nhơn		192	1
6	Ấp Mỹ Phụng		162	1
7	Ấp Mỹ Phước		186	1
8	Ấp Mỹ Thuận		138	2
	4. Xã Nhơn Ái	7		
1	Ấp Nhơn Bình		196	1
2	Ấp Nhơn Bình A		179	1
3	Ấp Nhơn Phú		189	1
4	Ấp Nhơn Thọ 1		174	1
5	Ấp Nhơn Thọ 1A		180	1
6	Ấp Nhơn Thọ 2		235	1
7	Ấp Nhơn Thọ 2A		209	1
	5. Xã Nhơn Nghĩa	14		
1	Ấp Nhơn Hưng		129	2
2	Ấp Nhơn Hưng A		205	1
3	Ấp Nhơn Khánh		155	1
4	Ấp Nhơn Khánh A		167	1
5	Ấp Nhơn Phú		146	2
6	Ấp Nhơn Phú I		159	1
7	Ấp Nhơn Phú A		157	1
8	Ấp Nhơn Thành		175	1
9	Ấp Nhơn Thuận		144	2
10	Ấp Nhơn Thuận 1		169	1
11	Ấp Nhơn Thuận 2		153	1
12	Ấp Tân Thành		151	1
13	Ấp Tân Thuận		150	2
14	Ấp Thị Tứ - Vàm Xáng		165	1
	6. Xã Tân Thới	11		
1	Ấp Tân Long		144	2
2	Ấp Tân Long A		140	2
3	Ấp Tân Long B		181	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
4	Ấp Tân Lợi		180	1
5	Ấp Tân Nhơn		174	1
6	Ấp Trường Đông		135	2
7	Ấp Trường Đông A		161	1
8	Ấp Trường Đông B		138	2
9	Ấp Trường Tây		179	1
10	Ấp Trường Trung A		167	1
11	Ấp Trường Trung B		173	1
	7. Xã Trường Long	16		
1	Ấp Trường Hòa		164	1
2	Ấp Trường Khương		146	2
3	Ấp Trường Khương A		166	1
4	Ấp Trường Ninh		156	1
5	Ấp Trường Ninh A		140	2
6	Ấp Trường Phú		187	1
7	Ấp Trường Phú A		163	1
8	Ấp Trường Phú B		178	1
9	Ấp Trường Phú 1		158	1
10	Ấp Trường Thọ		174	1
11	Ấp Trường Thọ 1		169	1
12	Ấp Trường Thọ 2		150	2
13	Ấp Trường Thọ A		163	1
14	Ấp Trường Thọ 2 A		157	1
15	Ấp Trường Thọ B		145	2
16	Ấp Trường Thuận		225	1
VIII	HUYỆN THỚI LAI	94		
	1. Thị trấn Thới Lai	5		
1	Ấp Thới Hiệp A		160	1
2	Ấp Thới Hòa A		143	2
3	Ấp Thới Phong A		218	1
4	Ấp Thới Thuận A		200	1
5	Ấp Thới Thuận B		251	1
	2. Xã Định Môn	8		
1	Ấp Định Hòa A		202	1
2	Ấp Định Hòa B		187	1
3	Ấp Định Khánh A		183	1
4	Ấp Định Khánh B		179	1
5	Ấp Định Mỹ		203	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
6	Ấp Định Phước		188	1
7	Ấp Định Thành		181	1
8	Ấp Định Yên		179	1
	3. Xã Đông Bình	7		
1	Ấp Đông Giang		188	1
2	Ấp Đông Giang A		172	1
3	Ấp Đông Lợi		201	1
4	Ấp Đông Phước		173	1
5	Ấp Đông Thắng		174	1
6	Ấp Đông Thắng A		191	1
7	Ấp Đông Thới		189	1
	4. Xã Đông Thuận	8		
1	Ấp Đông Hiền		164	1
2	Ấp Đông Hiền A		189	1
3	Ấp Đông Hòa		192	1
4	Ấp Đông Hòa A		163	1
5	Ấp Đông Mỹ		178	1
6	Ấp Đông Thành		179	1
7	Ấp Đông Thạnh		191	1
8	Ấp Đông Thắng		180	1
	5. Xã Tân Thạnh	6		
1	Ấp Thới Khánh		150	2
2	Ấp Thới Khánh A		151	1
3	Ấp Thới Phước 1		195	1
4	Ấp Thới Phước 2		191	1
5	Ấp Thới Thuận A		157	1
6	Ấp Thới Thuận B		193	1
	6. Xã Thới Tân	7		
1	Ấp Diên Hòa		158	1
2	Ấp Đông Hòa A		163	1
3	Ấp Đông Hòa B		160	1
4	Ấp Thới Phước A		184	1
5	Ấp Thới Phước B		161	1
6	Ấp Thới Quan B		180	1
7	Ấp Trường Phú B		184	1
	7. Xã Thới Thạnh	9		
1	Ấp Thới Bình A		172	1
2	Ấp Thới Bình A1		185	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
3	Ấp Thới Bình A2		180	1
4	Ấp Thới Bình B		198	1
5	Ấp Thới Hòa		145	2
6	Ấp Thới Hòa A		147	2
7	Ấp Thới Hòa B		147	2
8	Ấp Thới Hòa C		139	2
9	Ấp Thới Thuận		154	1
	8. Xã Trường Thành	8		
1	Ấp Trường Bình		178	1
2	Ấp Trường Đông		176	1
3	Ấp Trường Tây		191	1
4	Ấp Trường Tây A		180	1
5	Ấp Trường Thạnh		162	1
6	Ấp Trường Thanh A		185	1
7	Ấp Trường Thắng		187	1
8	Ấp Trường Trung		169	1
	9. Xã Trường Thắng	9		
1	Ấp Thới Tân A		158	1
2	Ấp Thới Tân B		140	2
3	Ấp Thới Xuân		206	1
4	Ấp Trường Bình		197	1
5	Ấp Trường Hòa		167	1
6	Ấp Trường Hưng		155	1
7	Ấp Trường Phú		161	1
8	Ấp Trường Phú A		142	2
9	Ấp Trường Thuận		193	1
	10. Xã Trường Xuân	8		
1	Ấp Phú Thọ		250	1
2	Ấp Thanh Di		166	1
3	Ấp Thanh Nhung		182	1
4	Ấp Thới Ninh		190	1
5	Ấp Thới Thanh		186	1
6	Ấp Trường Khương		184	1
7	Ấp Trường Thọ		193	1
8	Ấp Trường Thọ 1		190	1
	11. Xã Trường Xuân A	6		
1	Ấp Trung Hóa		186	1
2	Ấp Trường Ninh 1		172	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
3	Ấp Trường Ninh 2		175	1
4	Ấp Trường Ninh 3		141	2
5	Ấp Trường Ninh 4		175	1
6	Ấp Trung Thành		182	1
	12. Xã Trường Xuân B	7		
1	Ấp Trường Khương A		189	1
2	Ấp Trường Khương B		176	1
3	Ấp Trường Ninh		149	2
4	Ấp Trường Ninh A		154	1
5	Ấp Thới Thanh A		181	1
6	Ấp Thới Thanh B		177	1
7	Ấp Trường Thuận		176	1
	13. Xã Xuân Thắng	6		
1	Ấp Thới Bình		187	1
2	Ấp Thới Hiệp B		189	1
3	Ấp Thới Hòa B		180	1
4	Ấp Thới Lộc		169	1
5	Ấp Thới Phong B		183	1
6	Ấp Thới Xuân		169	1
IX	HUYỆN VĨNH THẠNH	56		
	1. Thị trấn Thạnh An	6		
1	Ấp Bờ Bao		200	1
2	Ấp Phụng Hưng		197	1
3	Ấp Phụng Lợi		219	1
4	Ấp Phụng Quới A		225	1
5	Ấp Phụng Quới B		210	1
6	Ấp Thầy Ký		220	1
	2. Thị trấn Vĩnh Thạnh	4		
1	ấp Vĩnh Lộc		155	1
2	ấp Vĩnh Mỹ		159	1
3	ấp Vĩnh Quới		224	1
4	ấp Vĩnh Tiến		212	1
	3. Xã Thạnh An	7		
1	Ấp E1		234	1
2	Ấp F1		211	1
3	Ấp F2		210	1
4	Ấp G1		202	1
5	Ấp G2		207	1

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
6	Ấp H1		193	1
7	Ấp H2		188	1
	4. Xã Thạnh Lộc	7		
1	Ấp Tân An		199	1
2	Ấp Tân Hưng		225	1
3	Ấp Tân Lập		222	1
4	Ấp Tân Lợi		232	1
5	Ấp Tân Thạnh		209	1
6	Ấp Thạnh Quới 2		229	1
7	Ấp Thắng Lợi		232	1
	5. Xã Thạnh Lợi	4		
1	Ấp B2		221	1
2	Ấp C2		228	1
3	Ấp D2		225	1
4	Ấp E2		221	1
	5. Xã Thạnh Mỹ	5		
1	Ấp Đất Mới		214	1
2	Ấp Lân Quới 1		218	1
3	Ấp Long Thạnh		204	1
4	Ấp Qui Lân 4		192	1
5	Ấp Qui Long		258	1
	7. Xã Thạnh Quới	7		
1	Ấp Lân Quới 2		212	1
2	Ấp Qui Lân 1		228	1
3	Ấp Qui Lân 2		208	1
4	Ấp Qui Lân 3		224	1
5	Ấp Qui Lân 5		234	1
6	Ấp Qui Lân 6		253	1
7	Ấp Qui Lân 7		199	1
	8. Xã Thạnh Thắng	3		
1	Ấp B1		228	1
2	Ấp C1		224	1
3	Ấp D1		220	1
	9. Xã Thạnh Tiến	3		
1	Ấp Bờ Bao		182	1
2	Ấp Phụng Phụng		265	1
3	Ấp Phụng Thạnh		265	1
	10. Xã Vĩnh Bình	4		

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số ấp, khu vực	Tổng số điểm	Phân loại
1	Ấp Vĩnh Hưng		187	1
2	Ấp Vĩnh Lộc		212	1
3	Ấp Vĩnh Nhuận		252	1
4	Ấp Vĩnh Thợ		222	1
	11. Xã Vĩnh Trinh	6		
1	Ấp Vĩnh Lân		262	1
2	Ấp Vĩnh Long		187	1
3	Ấp Vĩnh Lợi		203	1
4	Ấp Vĩnh Phụng		235	1
5	Ấp Vĩnh Qui		265	1
6	Ấp Vĩnh Thành		265	1

